TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 166/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 55, Điều 57, Điều 58 và Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 87/2026/TLST-HN ngày 26 tháng 01 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Vũ Sơn L, sinh ngày 24/8/1964; Căn cước công dân số 079064024295 cấp ngày 28/04/2023 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: A T, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh ngày 03/4/1966; Căn cước công dân số 079166022630 cấp ngày 03/2/2026 tại Bộ C; Địa chỉ: 7 T, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04 tháng 3 năm 2026 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc, những nội dung các đương sự thỏa thuận được như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Ông Vũ Sơn L và bà Nguyễn Thị Ánh H cùng cư trú tại phường N, Thành phố Hồ Chí Minh và các đương sự có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, căn cứ khoản 2 Điều 29, Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, thì yêu cầu của các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Sơn L và bà Nguyễn Thị Ánh H qua thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C, (nay là phường N) Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 82, quyển số 02 cấp ngày 24/08/1984. Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình sống chung, ông Vũ Sơn L và bà Nguyễn Thị Ánh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do sự khác biệt ngày càng lớn về tính cách và quan điểm sống. Hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, không giải quyết được. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai bên không còn tình cảm, cuộc sống chung không hạnh phúc và mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Vũ Sơn L và bà Nguyễn Thị Ánh H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa ông Vũ Sơn L và bà Nguyễn Thị Ánh H thật sự không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 144, Quyển số 2, đăng ký ngày 28/9/1984 tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy khai sinh số 571, Quyển số 04/QH ngày 30/10/1992 tại U, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy khai sinh số 222, Quyển số 02/2003 đăng ký ngày 04/11/2003 tại U1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy khai sinh số 19, Quyển số 01/2005 đăng ký ngày 21/01/2005 tại U1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cứ lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định: Ông Vũ Sơn L và bà Nguyễn Thị Ánh H có 04 (Bốn) người con chung, họ tên là Vũ Nguyễn Trung T (N), sinh ngày 18/06/1984 (đã mất), Vũ Nguyễn Minh T1 (N), sinh ngày 03/08/1992 – đã trưởng thành, Vũ Nguyễn Thiên Â (N), sinh ngày 13/10/2003 – đã trưởng thành, Vũ Nguyễn Hồng A (Nữ), sinh ngày 04/01/2005 – đã trưởng thành, do vậy không xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Vũ Sơn L và bà Nguyễn Thị Ánh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông Vũ Sơn L và bà Nguyễn Thị Ánh H khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về lệ phí giải quyết: Ông Vũ Sơn L và bà Nguyễn Thị Ánh H phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông bà đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007296 ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Sơn L và bà Nguyễn Thị Ánh H thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 82, quyển số 2 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C, (nay là phường N), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/08/1984).

- Về con chung: Ông Vũ Sơn L và bà Nguyễn Thị Ánh H có 04 (Bốn) người con chung, họ tên là Vũ Nguyễn Trung T (N), sinh ngày 18/06/1984 (đã mất), Vũ Nguyễn Minh T1 (N), sinh ngày 03/08/1992 – đã trưởng thành, Vũ Nguyễn Thiên Â (N), sinh

ngày 13/10/2003 – đã trưởng thành, Vũ Nguyễn Hồng A (Nữ), sinh ngày 04/01/2005 – đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Ông Vũ Sơn L và bà Nguyễn Thị Ánh H tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Vũ Sơn L và bà Nguyễn Thị Ánh H tự khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông Vũ Sơn L và bà Nguyễn Thị Ánh H đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007296 ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Khu vực 1, Tp. HCM;
- THADS Tp. HCM;
- Ủy ban nhân dân Phường 24, Quận 3, (nay là phường Nhiêu Lộc), Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

Nguyễn Thị Như Hoa